

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý III năm 2015 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2015

Toàn Công ty

| <i>STT</i> | <i>BIỂU SỐ</i> | <i>NỘI DUNG BIỂU</i> | <i>KỲ BÁO CÁO</i> | <i>TRANG</i> |
|------------|----------------|--------------------------------------|-------------------|--------------|
| 1 | B01a-DN | BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | QUÝ III NĂM 2015 | 1-2 |
| 2 | B02a-DN | BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | QUÝ III NĂM 2015 | 3-3 |
| 3 | B03a-DN | BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | QUÝ III NĂM 2015 | 4-4 |
| 4 | B09a-DN | BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | QUÝ III NĂM 2015 | 5-12 |

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Bảo Ngọc

TRƯỞNG PHÒNG TCKT

Trần Thị Thanh Hương



Wương Ngọc Sơn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ III NĂM 2015**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

| TÀI SẢN | MÃ SỐ | NGÀY 30/09/2015 TOÀN CÔNG TY | NGÀY 01/01/2015 TOÀN CÔNG TY |
|--|------------|---------------------------------|---------------------------------|
| 1 | 2 | 4 | 5 |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | 148.189.018.714 | 218.944.465.187 |
| (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | | | |
| I - Tiền | 110 | 9.045.218.883 | 13.667.212.048 |
| 1 - Tiền | 111 | 9.045.218.883 | 13.667.212.048 |
| 2 - Các khoản tương đương tiền | 112 | - | - |
| II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn | 120 | 15.000.000.000 | - |
| 3- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 15.000.000.000 | - |
| III - Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 68.042.852.681 | 119.432.212.976 |
| 1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 45.064.087.528 | 99.080.803.712 |
| 2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 2.110.156.640 | 22.857.170 |
| 6 - Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 21.079.482.951 | 20.618.150.532 |
| 7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*) | 137 | - (210.874.438) | (289.598.438) |
| IV - Hàng tồn kho | 140 | 33.940.395.617 | 53.924.394.297 |
| 1 - Hàng tồn kho | 141 | 33.940.395.617 | 53.924.394.297 |
| V - Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 22.160.551.533 | 31.920.645.866 |
| 1 - Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 12.515.951.776 | 15.936.474.957 |
| 2 - Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | 1.269.653.158 | 7.609.224.310 |
| 3 - Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 8.374.946.599 | 8.374.946.599 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | 906.410.300.712 | 980.583.535.384 |
| (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260) | | | |
| II - Tài sản cố định | 220 | 902.226.257.512 | 975.740.710.184 |
| 1 - Tài sản cố định hữu hình | 221 | 902.226.257.512 | 975.740.710.184 |
| - Nguyên giá | 222 | 1.668.555.738.593 | 1.689.128.307.127 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | (766.329.481.081) | (713.387.596.943) |
| 2 - Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | - | - |
| 3 - Tài sản cố định vô hình | 227 | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | 238.654.500 | 238.654.500 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | (238.654.500) | (238.654.500) |
| III - Bất động sản đầu tư | 230 | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | 5.785.803.477 | 5.785.803.477 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | (5.785.803.477) | (5.785.803.477) |
| IV- Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 91.957.200 | 91.957.200 |
| - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 91.957.200 | 91.957.200 |
| V - Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 3.508.886.000 | 3.508.886.000 |
| 3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 6.007.245.775 | 6.007.245.775 |
| 4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | (2.498.359.775) | (2.498.359.775) |
| V - Tài sản dài hạn khác | 260 | 583.200.000 | 1.241.982.000 |
| 1 - Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 583.200.000 | 1.241.982.000 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | 1.054.599.319.426 | 1.199.528.000.571 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01a-DN

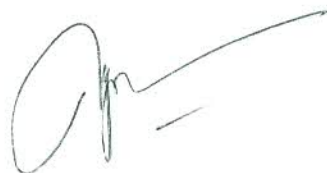
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý III năm 2015 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

| NGUỒN VỐN | MÃ SỐ | NGÀY 30/09/2015 TOÀN CÔNG TY | NGÀY 01/01/2015 TOÀN CÔNG TY |
|--|------------|---------------------------------|---------------------------------|
| 1 | 2 | 4 | 5 |
| A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | 898.158.756.612 | 985.537.913.780 |
| I - Nợ ngắn hạn | 310 | 344.692.730.712 | 372.045.284.380 |
| 1 - Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 62.594.971.936 | 100.717.118.955 |
| 2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 1.745.496.111 | 4.388.933.647 |
| 3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 3.033.939.678 | 3.337.341.262 |
| 4 - Phải trả người lao động | 314 | 6.599.020.335 | 14.794.623.701 |
| 5 - Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 3.846.122.734 | 4.461.536.660 |
| 8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 12.939.393 | 12.656.956 |
| 9 - Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 44.595.890.308 | 58.738.118.666 |
| 10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 217.985.306.117 | 180.821.910.433 |
| 12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 4.279.044.100 | 4.773.044.100 |
| II - Nợ dài hạn | 330 | 553.466.025.900 | 613.492.629.400 |
| 8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 553.466.025.900 | 613.492.629.400 |
| B - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 156.440.562.814 | 213.990.086.791 |
| I - Vốn chủ sở hữu | 410 | 156.440.562.814 | 213.990.086.791 |
| 1 - Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| 8 - Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 82.932.721.854 | 82.932.721.854 |
| 11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | (126.492.159.040) | (68.942.635.063) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | (106.465.196.186) | (70.527.237.282) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | (20.026.962.854) | 1.584.602.219 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | 1.054.599.319.426 | 1.199.528.000.571 |

Lập ngày 19 tháng 10 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Bảo Ngọc

TRƯỞNG PHÒNG TCKT



Trần Thị Thanh Hương



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

QUÝ III NĂM 2015

TẠI NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2015

Đơn vị tính: VNĐ

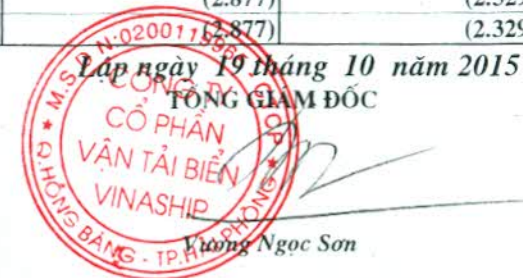
| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | QUÝ III | | LUỸ KẾ TỪ ĐẦU NĂM | |
|---|-------|------------------|------------------|-------------------|------------------|
| | | QUÝ III NĂM 2015 | QUÝ III NĂM 2014 | NĂM 2015 | NĂM 2014 |
| | | TOÀN CÔNG TY | TOÀN CÔNG TY | TOÀN CÔNG TY | TOÀN CÔNG TY |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| 1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 143.494.118.503 | 190.438.251.138 | 468.749.297.292 | 534.131.668.296 |
| 2- Các khoản giảm trừ | 02 | - | - | - | - |
| 3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | 143.494.118.503 | 190.438.251.138 | 468.749.297.292 | 534.131.668.296 |
| 4 - Giá vốn hàng bán | 11 | 158.203.410.078 | 190.799.890.105 | 471.443.500.777 | 517.186.614.548 |
| 5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20 = 10 - 11) | 20 | (14.709.291.575) | (361.638.967) | (2.694.203.485) | 16.945.053.748 |
| 6 - Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 441.002.134 | 1.744.972.348 | 1.097.035.459 | 2.395.450.929 |
| 7 - Chi phí tài chính | 22 | 10.720.938.591 | 14.333.277.493 | 42.469.273.300 | 38.680.692.917 |
| Trong đó : Chi phí lãi vay | 23 | 9.315.601.545 | 16.722.211.167 | 28.257.948.528 | 34.371.795.891 |
| 8 - Chi phí bán hàng | 25 | 1.733.414.955 | 2.782.044.593 | 8.468.012.184 | 9.352.858.456 |
| 9 - Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.986.265.674 | 5.996.621.837 | 19.052.620.580 | 18.043.744.914 |
| 10 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) | 30 | (33.708.908.661) | (21.728.610.542) | (71.587.074.090) | (46.736.791.610) |
| 11 - Thu nhập khác | 31 | 13.802.579.255 | 50.000 | 14.239.357.321 | 363.592.800 |
| 12 - Chi phí khác | 32 | 120.633.448 | 169.654.158 | 201.807.208 | 200.977.154 |
| 13 - Lợi nhuận khác (40 = 31- 32) | 40 | 13.681.945.807 | (169.604.158) | 14.037.550.113 | 162.615.646 |
| 14 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40) | 50 | (20.026.962.854) | (21.898.214.700) | (57.549.523.977) | (46.574.175.964) |
| 15 - Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | - | - | - | - |
| 16 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | - | - | - | - |
| 17 - Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51-52) | 60 | (20.026.962.854) | (21.898.214.700) | (57.549.523.977) | (46.574.175.964) |
| 18 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | (1.001) | (1.095) | (2.877) | (2.329) |
| 19 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | (1.001) | (1.095) | (2.877) | (2.329) |

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Bảo Ngọc

TRƯỞNG PHÒNG TCKT

Trần Thị Thanh Hương



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
QUÝ III NĂM 2015

Đơn vị tính : đồng

| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm | |
|--|-----------|-------------|--------------------------------|-------------------------|
| | | | NĂM 2015 | NĂM 2014 |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1 - Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 495.021.920.017 | 547.682.612.238 |
| 2 - Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (381.375.090.834) | (411.915.682.239) |
| 3 - Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (68.352.092.846) | (62.106.656.030) |
| 4 - Tiền chi trả lãi vay | 04 | | (32.682.476.672) | (34.759.569.424) |
| 5 - Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp | 05 | | - | |
| 6 - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 15.177.836.215 | 11.287.110.157 |
| 7 - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (36.982.280.142) | (27.037.553.683) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD | 20 | | (9.192.184.262) | 23.150.261.019 |
| II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác | 21 | | (133.499.090) | (3.084.937.655) |
| 2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác | 22 | | 54.975.000.000 | 2.620.000.000 |
| 3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (15.000.000.000) | |
| 6 - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 12.026.000.000 |
| 7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 24.125.645 | 1.991.811.740 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 39.865.626.555 | 13.552.874.085 |
| III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 3 - Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 251.694.399.956 | 317.640.182.276 |
| 4 - Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (287.005.285.822) | (337.710.031.909) |
| 6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (1.580.000) | (72.175.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (35.312.465.866) | (20.142.024.633) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40) | 50 | | (4.639.023.573) | 16.561.110.471 |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ | 60 | | 13.667.212.048 | 4.536.508.000 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 17.030.408 | 22.508.011 |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61) | 70 | | 9.045.218.883 | 21.120.126.482 |

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG TCKT




Nguyễn Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III năm 2015 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

Mẫu số B 09a-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC QUÝ III NĂM 2015

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần vốn Nhà nước 51%

- Đại diện phần vốn Nhà nước là Tổng công ty Hàng hải Việt nam

- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ ,phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải phòng.

- Tại thời điểm 30/9/2015, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

+ Các xí nghiệp :

XN dịch vụ vận tải tại số địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ , quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

XN xếp dỡ vận tải và dịch vụ tại 280 Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 30/9/2015, Công ty có tổng số cán bộ công nhân viên là 918 người.

2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuế hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;

- Dịch vụ hợp tác lao động ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;

- Bốc xếp hàng hóa;

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III năm 2015 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong quý III năm 2015 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính :

Hoạt động sản xuất kinh doanh vận tải biển trong Quý III vẫn gặp nhiều khó khăn. Mặc dù giá dầu vẫn ở mức thấp nhưng giá cước biển của phần lớn các nhóm hàng cũng suy giảm theo. Hàng hóa khan hiếm dẫn đến doanh thu thấp. Tình trạng tắc nghẽn đầu bến tại đầu cảng dỡ tại Philippines và Indonesia tiếp tục tiếp diễn khiến thời gian chờ cầu và dỡ hàng kéo dài, ảnh hưởng tới chi phí giá thành. Hơn nữa, trong quý III, Công ty có 02 tàu lên đà sửa chữa lớn gây ảnh hưởng đáng kể tới nguồn thu của công ty.

II – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

1- Kỳ kế toán năm : bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 của năm. Kỳ kế toán quý III năm 2015 bắt đầu từ ngày 01/07/2015 đến 30/09/2015.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

III – CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Chế độ kế toán áp dụng : Theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3- Hình thức kế toán áp dụng :

- Tổ chức công tác kế toán nửa tập trung, nửa phân tán.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào Tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III năm 2015 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá đích danh
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 228/2009/TT/BTC ngày 7/12/2009 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình , vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC — 30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III năm 2015 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay : Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

- Trích trước chi phí sửa chữa lớn : Công ty trích chi phí sửa chữa lớn cho đội tàu biển của Công ty. Công ty xây dựng dự tính mức chi phí sửa chữa 1 lần lên đà (2,5 năm 1 lần). Sau đó tính trích chi phí sửa chữa cho 1 năm. Sau 3 năm sẽ quyết toán số chi phí sửa chữa lớn đã trích và số thực tế đã phát sinh. Theo chu kỳ mới, năm 2013 công ty bắt đầu trích sửa chữa lớn đội tàu và quyết toán vào năm 2015.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý III năm 2015 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí, thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng hoặc xuất hoá đơn bán hàng , được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý III năm 2015 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

V.CÁC SỰ KIỆN GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN QUÝ III NĂM 2015**1- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu :****Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu Quý III năm 2015 :**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---|---------------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| A | 1 | 2 | 5 | 6 |
| Số dư đầu năm trước | 200.000.000.000 | 82.932.721.854 | (70.527.237.282) | 212.405.484.572 |
| Tăng trong năm trước | | | | - |
| - Lãi riêng công ty trong năm 2014 | | | 82.307.528 | 82.307.528 |
| - Trích lập quỹ theo NQ Đại hội cổ đông | | | | - |
| - Lãi riêng Xí nghiệp DVVT trong năm 2014 | | | 1.502.294.691 | 1.502.294.691 |
| - Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | | | - |
| - Giảm khác | | | | - |
| | | | | - |
| Số dư cuối năm trước | 200.000.000.000 | 82.932.721.854 | (68.942.635.063) | 213.990.086.791 |
| | | | | |
| Số dư đầu năm nay | 200.000.000.000 | 82.932.721.854 | (68.942.635.063) | 213.990.086.791 |
| Tăng năm nay | | | | - |
| - Tăng vốn trong năm nay | | | | - |
| - Lỗ Quý I năm 2015 | | | (17.864.631.193) | (17.864.631.193) |
| - Lỗ Quý II năm 2015 | | | (19.657.929.930) | (19.657.929.930) |
| -Lỗ Quý III năm 2015 | | | (20.026.962.854) | (20.026.962.854) |
| - Trích lập quỹ theo NQ Đại hội cổ đông | | | | - |
| - Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | | | - |
| - Giảm khác | | | | - |
| Số dư cuối ngày 30/9/2015 | 200.000.000.000 | 82.932.721.854 | (126.492.159.040) | 156.440.562.814 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý III năm 2015 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

2- Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động :

| STT | Các hoạt động | Quý III năm 2015 | 09 tháng năm 2015 | Quý III năm 2014 | 09 tháng năm 2014 |
|----------|---|------------------|-------------------|------------------|-------------------|
| 1 | Vận tải biển | | | | |
| | - Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ | 109.666.249.573 | 365.202.197.593 | 155.755.633.025 | 442.837.892.022 |
| | - Chi phí | 134.106.613.003 | 398.980.635.934 | 165.570.088.358 | 456.423.722.991 |
| | - Lợi nhuận | (24.440.363.430) | (33.778.438.341) | (9.814.455.333) | (13.585.830.969) |
| 2 | Hoạt động xếp dỡ giao nhận container | | | | |
| | - Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ | 2.240.899.974 | 6.536.408.631 | 1.615.787.456 | 5.434.574.428 |
| | - Chi phí | 2.254.280.812 | 6.503.528.210 | 1.576.400.047 | 5.428.246.467 |
| | - Lợi nhuận | (13.380.838) | 32.880.421 | 39.387.409 | 6.327.961 |
| 3 | Hoạt động DV nâng hạ Container | | | | |
| | - Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ | 1.807.130.527 | 5.666.864.116 | 1.250.733.743 | 5.304.247.277 |
| | - Chi phí | 1.935.862.719 | 5.866.386.006 | 1.614.002.291 | 5.497.318.516 |
| | - Lợi nhuận | (128.732.192) | (199.521.890) | (363.268.548) | (193.071.239) |
| 4 | Hoạt động Đại lý tàu biển | | | | |
| | - Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ | - | 10.000.000 | 162.536.250 | 193.256.250 |
| | - Chi phí | - | 2.940.000 | | 43.659.284 |
| | - Lợi nhuận | - | 7.060.000 | 162.536.250 | 149.596.966 |
| 5 | Đại lý giao nhận, vận tải hàng Cont | | | | |
| | - Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ | 24.950.966.057 | 76.660.618.463 | 28.672.818.019 | 71.681.618.204 |
| | - Chi phí | 24.647.453.837 | 75.427.004.625 | 28.464.143.143 | 70.513.352.822 |
| | - Lợi nhuận | 303.512.220 | 1.233.613.838 | 208.674.876 | 1.168.265.382 |
| 6 | Hoạt động cho thuê văn phòng và nhà làm việc | | | | |
| | - Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ | 523.450.406 | 1.738.098.161 | 530.656.421 | 1.763.876.220 |
| | - Chi phí | - | 73.656.000 | 50.428.000 | 52.008.000 |
| | - Lợi nhuận | 523.450.406 | 1.664.442.161 | 480.228.421 | 1.711.868.220 |
| 7 | Hoạt động thương mại | | | | |
| | - Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ | 2.349.886.676 | 4.128.977.624 | 1.528.906.763 | 3.194.698.098 |
| | - Chi phí | 2.216.091.698 | 3.896.395.204 | 1.452.409.134 | 3.094.092.154 |
| | - Lợi nhuận | 133.794.978 | 232.582.420 | 76.497.629 | 100.605.944 |
| 8 | Hoạt động SXKD khác | | | | |
| | - Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ | 1.955.535.290 | 8.806.132.704 | 921.179.461 | 3.721.505.797 |
| | - Chi phí | 1.762.788.638 | 8.213.587.562 | 851.085.562 | 3.530.817.684 |
| | - Lợi nhuận | 192.746.652 | 592.545.142 | 70.093.899 | 190.688.113 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý III năm 2015 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015

| STT | Các hoạt động | Quý III năm 2015 | 09 tháng toàn công ty | Quý III năm 2014 | 09 tháng năm 2014 |
|-----|------------------------------------|------------------|-----------------------|------------------|-------------------|
| 9 | Hoạt động tài chính | | | | |
| | - Doanh thu tài chính | 441.002.134 | 1.097.035.459 | 1.744.972.348 | 2.395.450.929 |
| | - Chi phí tài chính | 10.720.938.591 | 42.469.273.300 | 14.333.277.493 | 38.680.692.917 |
| | - Lợi nhuận từ hoạt động tài chính | (10.279.936.457) | (41.372.237.841) | (12.588.305.145) | (36.285.241.988) |
| 10 | Hoạt động khác | | | | |
| | - Thu nhập hoạt động khác | 13.802.579.255 | 14.239.357.321 | 50.000 | 363.592.800 |
| | - Chi phí hoạt động khác | 120.633.448 | 201.807.208 | 169.654.158 | 200.977.154 |
| | - Lợi nhuận từ hoạt động khác | 13.681.945.807 | 14.037.550.113 | (169.604.158) | 162.615.646 |

Các thông tin khác

Báo cáo tài chính năm 2014 được lập theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006

Bắt đầu từ Quý I/2015: Báo cáo tài chính được lập theo Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014

Số dư đầu kỳ năm 2015 đã được trình bày lại theo Thông tư 200/2014/TT/BTC để đáp ứng việc so sánh số liệu

Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 (mã số 31-32) đã được điều chỉnh theo thông tư 200/2014/TT/BTC

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Bảo Ngọc

TRƯỞNG PHÒNG TCKT



Trần Thị Thanh Hương

